

Tư tưởng đạo đức trong tác phẩm Đại Việt sử ký toàn thư

Nguyễn Bình Yên¹, Nguyễn Thị Thu Hương¹

¹ Đại học Mỏ - Địa chất.

Email: nguyenbinhyen.hung@gmail.com

Nhận ngày 6 tháng 6 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 7 năm 2017.

Tóm tắt: *Đại Việt sử ký toàn thư* là một tác phẩm sử học chứa đựng nhiều tư tưởng đạo đức. Những tư tưởng này được tác phẩm thể hiện trên nhiều phương diện về quan niệm, nguồn gốc và vai trò của đạo đức trong đời sống. Mặc dù có những giá trị nhân sinh sâu sắc, nhưng các tư tưởng đạo đức trong *Đại Việt sử ký toàn thư* vẫn còn chứa đựng nhiều hạn chế. Việc nghiên cứu tư tưởng đạo đức trong tác phẩm không chỉ góp phần nâng cao nhận thức lịch sử tư tưởng dân tộc, mà còn giúp rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn xã hội hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng, đạo đức, Đại Việt sử ký toàn thư.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The Complete Annals of Dai Viet is a historical work containing a high deal of ethical thought, which is reflected in many aspects regarding the concept, origin and role of ethics in life. The thought contains profound humane values, and also limitations. The study of the ethical thought in the Complete Annals of Dai Viet not only contributes to raising the awareness of the history of national thought, but also helps draw lessons to apply in the current social situation.

Keywords: Thought, ethics, Complete Annals of Dai Viet.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Đại Việt sử ký toàn thư là công trình sử học lớn, phản ánh một cách hệ thống lịch sử hình thành, phát triển lâu dài của dân tộc từ thời Hồng Bàng (năm 2878 TCN) cho đến cuối đời Lê Gia Tông Mỹ Hoàng Đế (năm

Ất Mão 1675). Do tác phẩm này được viết bởi các sử gia phong kiến Nho giáo, nên vấn đề đạo đức không những là nội dung quan trọng mà còn là công cụ, thước đo chủ yếu để xem xét, đánh giá đời sống xã hội, hoạt động cai trị của các triều đại cũng như từng cá nhân. Với mục đích làm tấm gương

phản chiếu lịch sử, định hướng nhận thức và hoạt động cho các vị vua, tư tưởng đạo đức phong kiến Nho giáo trong tác phẩm đã có những đóng góp tích cực vào việc củng cố chế độ phong kiến độc lập, nhưng đồng thời cũng chứa đựng những hạn chế nhất định, cản trở sự phát triển, nhất là khi chế độ phong kiến đã khủng hoảng, không còn đáp ứng được yêu cầu của lịch sử. Bài viết này phân tích tư tưởng đạo đức trong tác phẩm *Đại Việt sử ký toàn thư*, những quan niệm về đạo đức, nguồn gốc của đạo đức, vai trò của đạo đức và những giá trị, hạn chế của các quan niệm đó.

2. Quan niệm về đạo đức

Các tác giả của *Đại Việt sử ký toàn thư* không đặt nhiệm vụ nghiên cứu, trình bày về tư tưởng đạo đức như một đối tượng nghiên cứu trực tiếp. Các vấn đề đạo đức tuy được đề cập gián tiếp qua từng câu chuyện, từng nhân vật, nhưng trở thành một trong những nội dung quan trọng bậc nhất của tác phẩm, bởi đạo đức là phương tiện chủ yếu để thể hiện tư tưởng, đồng thời qua đó để truyền bá, giáo dục, làm cho những khuôn mẫu đạo đức trở thành phẩm hạnh của con người.

Đại Việt sử ký toàn thư cho thấy quan niệm đạo đức trong tác phẩm thực chất và chủ yếu là những quan niệm đạo đức Nho giáo. Những phạm trù đạo đức có tính phổ biến, mang đặc trưng của Nho giáo (như “tam cương”, “ngũ thường”, “nhân”, “nghĩa”, “lễ”, “trí”, “tín”, v.v.) đều được đề cập với tần suất cao; nội dung, ý nghĩa cơ bản của các phạm trù đó không đổi hoặc có rất ít thay đổi so với quan niệm Nho giáo. Chính vì vậy, trong phần này chúng tôi

không trình bày nội dung khái niệm đạo đức, mà tập trung vào việc làm rõ phương diện đạo đức là gì, vai trò của đạo đức đối với đời sống xã hội, con người như thế nào.

Trước hết, đạo đức được coi là cái mang bản chất người, đặc trưng của con người, cái làm cho con người khác với loài vật, là tiêu chí phân biệt văn minh với lạc hậu. Tư tưởng của Mạc Đăng Dung cho rằng, “nước mà không có cương thường, tuy là Hoa Hạ mà thành Di Địch; người mà không có cương thường, tuy mặc áo xiêm mà hóa chim muông” [3, tr.801]. Có thể nói, đây là nét đặc sắc trong quan niệm về đạo đức trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Theo quan niệm Nho giáo, đạo đức có nguồn gốc từ đạo trời, đạo trời và đạo người thống nhất với nhau. Dưới sự chi phối của tư tưởng đó, *Đại Việt sử ký toàn thư* đã viết: “Từ khi có trời đất tức có cương thường” [3, tr.34]; “đạo trời và đạo người là một” vì trời đất cũng lấy “cương thường” mà lập giới hạn; “đạo là bất biến”. Luận điểm này tuy mơ hồ bởi không thể chứng minh nhưng nó lại giúp những người theo Nho giáo có thể né tránh, không phải trả lời vấn đề nguồn gốc, bản chất của đạo đức trên cơ sở thực chứng. Cho rằng “đạo người” có cùng “đạo trời”, “đạo người” thống nhất với “đạo trời” là cách giải thích hết sức cô đọng, mang tính thần bí về nguồn gốc đạo đức. Tư tưởng đó có tác dụng củng cố chế độ quân chủ thần quyền, nhưng lại hạn chế, kìm hãm nhận thức khoa học cũng như hoạt động đấu tranh cải tạo tự nhiên, xã hội của con người. Quan niệm duy tâm nói trên có quan hệ mật thiết với những quan điểm về vai trò đạo đức trong đời sống xã hội phong kiến, là cơ sở lý luận để đi đến việc tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức trong xã hội.

3. Vai trò của đạo đức

Tư tưởng của các tác giả bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* về vai trò của đạo đức gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, đạo đức là cơ sở của sự tồn tại của tự nhiên, xã hội, con người. *Đại Việt sử ký toàn thư* rất ít đề cập đến sản xuất vật chất, đời sống vật chất của xã hội, mà chỉ tập trung đề cập đến đời sống chính trị xã hội, đồng thời tìm cách giải thích các hiện tượng chính trị xã hội từ góc độ đạo đức. Các sử gia cũng như các triều đại phong kiến đã không thấy được vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội nói chung, đối với đạo đức nói riêng, mà ngược lại, đã tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức, coi đạo đức là nhân tố quyết định.

Trong sớ tâu vua “xin giết tặc thần Lê Quảng Độ”, Mạc Đăng Dung đã viết: “Tam cương ngũ thường là rường cột đỡ trời đất, là cột đá đè yên nhân dân. Nước mà không có cương thường, tuy là Hoa Hạ mà thành Di Địch; người mà không có cương thường, tuy mặc áo xiêm mà hóa chim muông. Từ xưa đến nay, chưa có ai bỏ cương thường mà có thể đứng được trong khoảng trời đất” [3, tr.801]. Khi bàn về thành bại của đế vương các đời, Lê Tung viết: “Thế mới biết, đế vương là nghiệp lớn, cương thường là đạo chính. Cương thường lập thì nghiệp lớn của đế vương mới thành; nhân nghĩa tỏ thì ngôi báu của thiên hạ mới định” [3, tr.43]; vương triều sụp đổ là do “tam cương” không chính [3, tr.35-36].

Do tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức nên các triều đại phong kiến Việt Nam ít quan tâm đến việc phát triển sản xuất vật chất, chăm lo đời sống vật chất của nhân dân trong trị đạo, mà chủ yếu quan tâm giáo huấn đạo đức, kêu gọi thực hiện đạo đức, coi đó là phương thuốc vạn năng cho xã

hội. Quan điểm sai lầm đó là một trong những nguyên nhân đưa đất nước lâm vào tình trạng trì trệ, lạc hậu trên tất cả mặt đời sống xã hội, trước hết ảnh hưởng về kinh tế. Chỉ đến khi hệ tư tưởng phong kiến Nho giáo không giúp giải quyết được nhiệm vụ lịch sử đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược thì một bộ phận trí thức Nho học mới dần hiểu được hạn chế của quan niệm “cương thường”, “trung quân”.

Thứ hai, đạo đức là cốt lõi của chính trị, làm chính trị phải lấy đạo đức làm cơ sở; lý tưởng chính trị và lý tưởng đạo đức thống nhất với nhau; đạo đức là cơ sở, là nội dung chủ yếu của đường lối trị đạo. *Đại Việt sử ký toàn thư* diễn đạt điều đó hết sức rõ ràng: “đạo trời đất không thể ngoài cương thường mà dựng quy tắc, thì đạo của đế vương há có thể ngoài cương thường mà làm chính trị được sao!” [3, tr.31]. Lê Tung cho rằng, khi “cha làm giường² cho con, vua làm giường cho tôi, dứt khoát là muôn đời không rồi được” [3, tr.34].

Cốt lõi của tư tưởng “đức trị” là thực hiện “cương thường”, mà trọng tâm là thực hành đức sáng của bậc quân vương. Khổng Tử cho rằng, muốn làm cho xã hội từ “loạn” thành “trị” phải khắc phục tình trạng “vua không ra vua, bề tôi không ra bề tôi, cha không ra cha, con không ra con”; phải làm cho “vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con”. “Vua ra vua” là ông vua chuẩn mực về đạo đức, biết nêu tấm gương đạo đức cao đẹp để thu phục nhân tâm, khiến thiên hạ cảm phục mà đi theo. Theo Khổng Tử, khi dùng đức cai trị, vua sẽ như sao Bắc Đẩu, ở yên một chỗ mà các sao khác đều châu quay quanh nó; ví như Nghiêu Thuấn, chỉ kính cẩn đoan trang, ngồi yên trên ngai, không làm gì mà thiên hạ bình trị [4, tr.221-222].

Các sử gia Việt Nam tuy cũng đề cập đến các mặt văn thao, võ lược, tài dụng

binh của các đế vương, nhưng coi đạo đức là mặt căn bản nhất để trị quốc. Chân dung của ông vua “đức trị” được Phạm Kính Khuê khắc họa vô cùng sinh động: “Đạo đức rộng ra khuôn mẫu, lễ nghĩa vững tựa đá vàng, khí tiết nghiêm túc như băng sương, văn vẻ sáng như nhật nguyệt. Soi cho kẻ mờ được sáng, mài cho kẻ ngu được khôn”. Lê Văn Hưu viết: “Đất Liêu Đông không có Cơ Tử thì không thành phong tục, mặc áo đội mũ (như Trung Hoa), đất Ngô Hội không có Thái Bá thì không mạnh được làm vương bá. Đại Thuấn là người Đông Di mà là bậc vua giỏi trong Ngũ đế; Văn Vương là người Tây Di mà là bậc vua hiền trong Tam đại. Thế thì biết người giỏi trị nước không cứ gì đất rộng hay hẹp, người Hoa hay Di, chỉ xem ở đức mà thôi” [3, tr.60].

Những quan niệm nói trên, một mặt có tác dụng củng cố chế độ phong kiến, nhưng mặt khác, là sức cản trở lớn đối với hoạt động đấu tranh của nhân dân chống áp bức, bóc lột, bất công, khi mà các vương triều phong kiến, chế độ phong kiến đã lâm vào khủng hoảng, không đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển lịch sử.

Nho giáo lý tưởng hóa thời đại Nghiêu Thuấn, đường lối trị quốc của Nghiêu Thuấn, tấm gương sáng về đạo đức của Nghiêu Thuấn, coi đây là thời đại mẫu mực của sự thịnh trị, an bình. Các triều đại phong kiến của Việt Nam cũng lấy đó làm lý tưởng phấn đấu. *Đại Việt sử ký toàn thư* nhận định rằng: “Kể từ Kinh Dương Vương họ Hồng Bàng, nối dõi Thần Nông, lấy con gái vua Động Đình, tỏ rõ đạo vợ chồng, nắn ngay gốc phong hóa, vua thì lấy đức mà cảm hóa dân, giữ áo khoanh tay; dân thì cày ruộng ăn, đào giếng uống, sớm làm tối nghỉ, chẳng phải là phong tục thái cổ của Viêm Đế ư?” [3, tr.31]. Hùng Vương được ca ngợi là đã “chăm ban đức huệ để vỗ yên

dân, chuyên nghề làm ruộng, chăn tằm, chẳng có can qua chinh chiến”; “buộc nút dây mà làm chính trị, dân không thói gian dối, có thể thấy được phong tục thuần hậu quê mùa vậy” [3, tr.31]. Lê Thánh Tông đã từng ví đất nước do ông trị vì ngang với thời Nghiêu Thuấn.

Các triều đại phong kiến Việt Nam vào thời kỳ hưng thịnh đều cố gắng thực hiện đường lối đức trị. Nếu như thời Tiền Lê, Lý - Trần có sử dụng những hình phạt dã man (như đun vạc dầu, thả hổ ăn thịt,...) để trừng phạt người có tội thì sang đến thời Lê sơ, những chuẩn mực của “đức trị” đã trở thành chủ đạo. “Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” là đường lối của Lê Lợi - Nguyễn Trãi, đường lối đó đã đánh dấu giai đoạn mới của “đức trị”. Nhưng việc lấy đạo “cương thường” là cơ sở để đánh giá đúng sai đối với các triều đại hay đối với hành vi con người lại là một sai lầm. Các sử gia cho rằng, các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần suy vong đều là do “tam cương”, “ngũ thường” không vững, vua không biết dựa vào đạo Nho, “không kê cứu cổ học” mà tin dùng đạo Phật.

Đường lối “đức trị” yêu cầu phải có “vua sáng, tôi lương”, “quân nhân, thần trung”. Vua phải sáng suốt, dùng “lễ” đối xử với bề tôi của mình, biết dùng người quân tử trong trị đạo, xa lánh kẻ tiểu nhân; bề tôi phải trung thành với vua, làm hết sức mình vì vua. Viên Thông Quốc sư cho rằng, các bậc đế vương ngày trước sở dĩ hưng được nghiệp lớn là vì dùng quân tử, mất nước là vì dùng tiểu nhân. Lê Thánh Tông đặc biệt chú ý đến “nhậm hiền”³ trong tuyển chọn, sử dụng quan lại. Nhà vua từng căn dặn các quan dùng người quân tử, bỏ kẻ tiểu nhân. “Nhậm hiền” (còn gọi là “trọng hiền”, “thượng hiền”) là quý trọng hiền tài; biết lựa chọn, đề bạt những người có tài đức cao, giao cho họ giữ các chức vụ quan trọng trong triều đình để họ có điều kiện phát

huy tài đức, giúp vua quản lý đất nước một cách đúng đắn. Bên cạnh giá trị tích cực, “nhậm hiền” cũng còn hạn chế lớn vì mang nặng dấu ấn chủ quan của chế độ quân chủ, phụ thuộc vào tài đức, tình cảm, ý chí của quân chủ.

Thứ ba, đạo đức “cương thường” là căn cứ chủ yếu để đánh giá con người và xã hội. *Đại Việt sử ký toàn thư* ca ngợi các vị vua có hành vi nhân chính, đồng thời cũng rất nghiêm khắc đối với những vua có hành vi bạo ngược, say mê tửu sắc... Ví dụ, về Lê Thái Tổ, sử gia cho rằng: “có thể gọi là có mưu lớn sáng nghiệp. Song đa nghi hay giết, đó là chỗ kém” [3, tr.475]. Về Lê Thánh Tông, các sử gia viết: “anh hùng tài lược, dù Vũ Đế nhà Hán, Thái Tôn nhà Đường cũng không hơn được. Song công việc thổ mộc quá chế độ xưa, tình nghĩa anh em thiếu lòng nhân ái, đó là chỗ kém” [3, tr.610]. Về Chiêu Tôn Thần Hoàng đế (ở ngôi 7 năm rồi bị Mạc Đăng Dung giết cướp ngôi), sử gia viết: “trong nghe lời xiểm nịnh gian trá, ngoài say mê săn bắn chim muông, ngu tối không biết gì, ương ngạnh tự phụ, đến nỗi nguy vong là đáng lắm” [3, tr.798].

Đối với quan lại, tướng sĩ, *Đại Việt sử ký toàn thư* chú trọng việc ca ngợi những tấm gương trung nghĩa, đề cao hành động hy sinh vô điều kiện của bề tôi đối với quân vương. Các triều đại phong kiến Việt Nam đều có những chính sách khuyến khích trung nghĩa (người trung nghĩa được ban thưởng, thăng chức, con cái của quan lại trung nghĩa được xem xét bổ nhiệm giữ các chức quan nhất định). Những chuyện sau được các sử gia ghi chép hết sức tỉ mỉ: Sau khi dẹp “loạn ba vương”, trước lời khen ngợi của thái tử, Lê Phụng Hiểu đã lay tạ và nói: “Đức của điện hạ cảm động cả trời đất, kẻ nào mạnh tâm mưu đồ gì khác thì trời đất thần linh đều làm hết chức vụ mà giết

đi, bọn thần có công gì đâu?” [3, tr.169]. Ngay như Toa Đô, một nguyên soái của giặc Nguyên bị quân ta chém đầu trong trận Tây Kết, cũng được Trần Nhân Tông khéo léo dùng làm gương cho tướng sĩ của mình. Vua đã khen Toa Đô là tấm gương “trung quân”; vua đã cởi áo ngự của mình đưa hữu tì liệm cho Toa Đô [3, tr.309]. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn được *Đại Việt sử ký toàn thư* đánh giá không chỉ là tấm gương trung nghĩa, tận tâm phục vụ triều đình, mà còn có công khích lệ tướng sĩ, xây dựng khối đoàn kết sức vì nhà Trần.

Không ít những sự kiện, nhân vật, vụ án, nghi án với hậu quả bi thảm đã được *Đại Việt sử ký toàn thư* đề cập đến, ví dụ, Lê Đại Hành, Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly, Dương Nhật Lễ,... đều xét dưới góc độ đạo đức (“trung” hay “bất trung”; trong nhiều trường hợp, vấn đề “trung quân” được các tác giả đề cao hơn “ái quốc”). Ngô Sĩ Liên cho rằng việc Lê Đại Hành xưng làm Phò vương trong khi phò tá ấu chúa là việc làm có rắp tâm chiếm đoạt ngôi báu của Vệ Vương, vì vậy, Đại Hành là đối tượng phải giết đi; hành động của Nguyễn Bặc, Đinh Điền được coi là chỉ chống lại Đại Hành, nhằm bảo vệ ngôi chí tôn của nhà Đinh [3, tr.139]. Với quan niệm trung quân, Ngô Sĩ Liên hết sức nghiêm khắc, dùng ngôn từ “nặng nề” đánh giá các hành động của Trần Thủ Độ nhằm chuyển giao quyền lực từ nhà Lý đã suy vong sang nhà Trần. Việc ông giáng Huệ hậu làm Thiên Cực công chúa rồi lấy làm vợ bị Ngô Sĩ Liên coi là hành động bất nhân [3, tr.266]. Ngô Sĩ Liên cho rằng, Hồ Quý Ly là “loạn thần tặc tử” đã xâm hại cương thường thì tất yếu bại vong, “ai ai cũng có thể giết”, để khôi phục chính thống. Trời cũng không một ngày nào tha trừng phạt; người trong nước giết không được thì người nước láng giềng có thể giết, người Minh có thể giết được [3, tr.456].

Việc coi “trung quân” như một lý tưởng bất di bất dịch đã làm cho các sử gia phong kiến không phân biệt được rạch ròi sự khác biệt giữa hành động xâm lược của giặc Minh với “trừng phạt của chính thống” đối với Hồ Quý Ly; không thấy được vương triều Trần khi đó đã lâm vào khủng hoảng sâu sắc, không còn là lực lượng đại diện cho dân tộc, không thể tiếp tục sự thống trị dân tộc như trước, cần phải được thay thế bằng vương triều mới tiến bộ hơn.

Theo thuyết “thiên nhân tương cảm” của Nho giáo, các tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* cho rằng, sự nghiệp con người thành hay bại là do mệnh trời, theo vua là thuận theo ý trời vậy. Lê Văn Hưu viết: “Các đế vương nổi dậy, không bao giờ là không do ở trời” [3, tr.132]; thành công hay thất bại của Đinh Tiên Hoàng đều là “ý trời” [3, tr.127-131]. Ngô Sĩ Liên cho rằng, “nhà Lý được nước là tự trời, mất nước cũng là tự trời” [3, tr.263]. Tướng theo lệnh vua đi đánh dẹp, thắng lợi thì trước hết không phải do bản thân người đó, mà là do trời đất, thần linh. Lê Thánh Tông, gặp năm đại hạn, tiến hành lễ cầu đảo với “Hạo Thiên Thượng đế”, khẩn rằng: “Người không có đức là thần Lê mỡ dấm hết lòng thành, dâng lời kêu với Thái thượng khai thiên”; hạn hán đã làm nhân dân chịu khổ, nguyên nhân là do “thần không có đức, để cho dân chịu tai ương”, vì thế “dám gõ cửa Thượng đế để giải bày lòng thương dân, để tâu lên tình kính sợ. Cúi xin Thượng đế xá lỗi tha tội, đổi tai biến làm điềm lành, ban cho mưa to nước ngọt, thấu khắp mọi nơi” [3, tr.677]. Vua khẩn xong thì trời mưa. Đó là ví dụ cho thấy tư tưởng “mệnh trời” chi phối các tác giả viết *Đại Việt sử ký toàn thư*. Đây cũng là một hạn chế của Nho giáo khi tuyệt đối hóa vai trò của “mệnh trời”.

4. Kết luận

Tư tưởng đạo đức trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có nội dung rộng và phức tạp, có tính chất chính trị; tạo thành đường lối “đức trị” truyền thống Việt Nam thời phong kiến. Những tư tưởng đó cũng có nhiều hạn chế. Đó là quan niệm duy tâm về nguồn gốc của đạo đức, tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức, của “mệnh trời”. Đây là những hạn chế mang tính lịch sử, bị quy định bởi điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ nhận thức đương thời. Tuy nhiên, tư tưởng đạo đức trong *Đại Việt sử ký toàn thư* là bài học kinh nghiệm của cha ông về chính trị, đạo đức.

Chú thích:

² Giường/Rường: được sử dụng tương đương nhau. Giường mối/rường mối là mối dây gìn giữ kỷ cương cho xã hội nằm trong vòng trật tự.

³ “Nhậm hiền” là một trong những quan niệm có giá trị phổ biến của Nho giáo nói chung, Nho giáo Việt Nam nói riêng. Bài kí đề danh Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba do Thân Nhân Trung soạn năm 1484 có viết: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh rồi lên cao. Nguyên khí suy thì thể nước yếu rồi xuống thấp”. Vậy nên việc “nhậm hiền” chính là tư tưởng quý trọng và sử dụng nguyên khí quốc gia trong trị đạo.

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Ngô Sĩ Liên (2013), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [4] *Tứ Thư*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2006.

